

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG TRƯỜNG MẦM NON
NGŨ LÃO HUYỆN THỦY NGUYÊN

Hải Phòng, năm 2023

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG
TRƯỜNG MẦM NON NGŨ LÃO, HUYỆN THỦY NGUYÊN**



Hải Phòng, năm 2023

TÓM TẮT BÁO CÁO ĐTM CỦA DỰ ÁN

“Đầu tư xây dựng mở rộng Trường mầm non Ngũ Lão”.

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

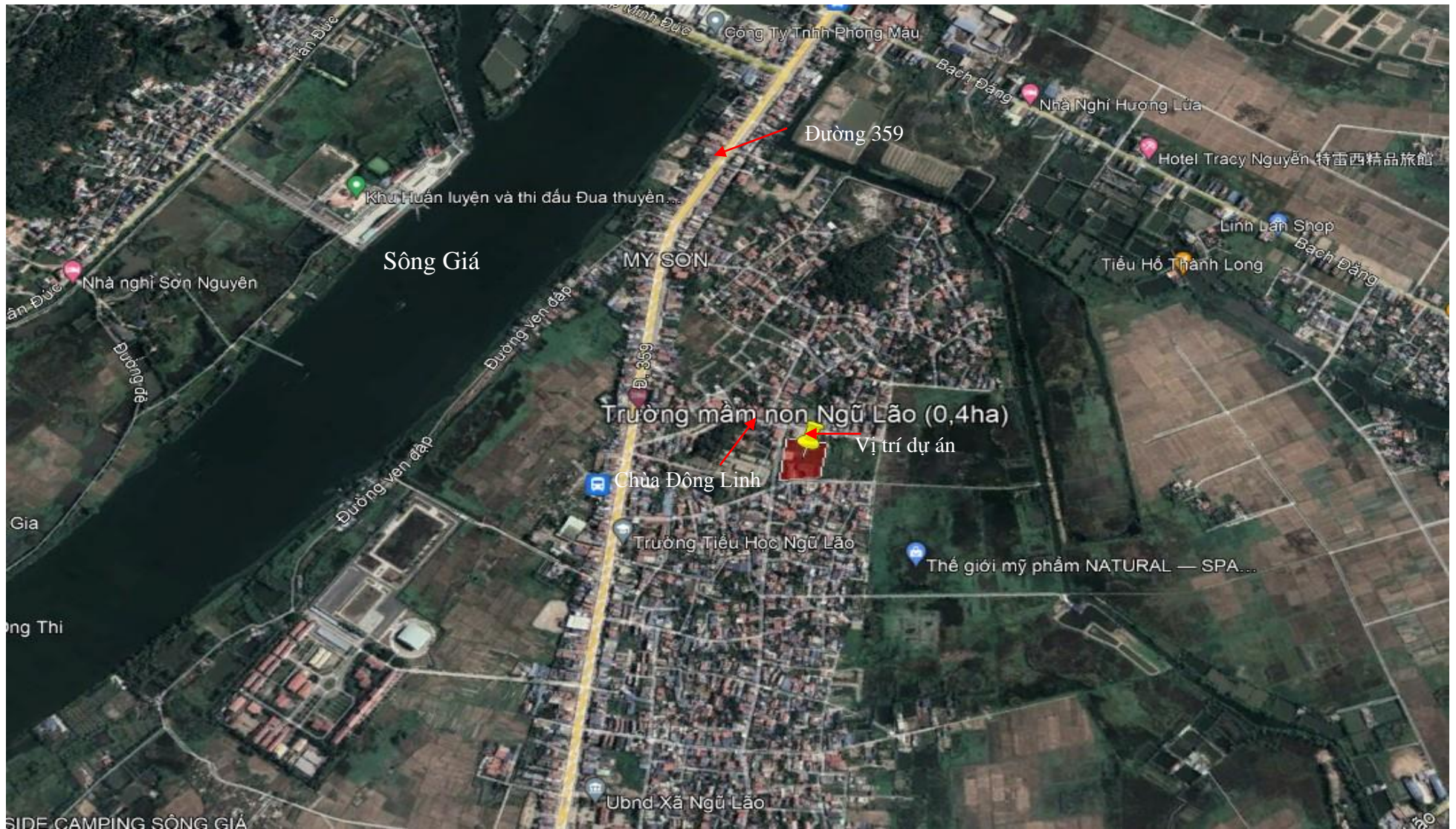
- Tên dự án: “Đầu tư xây dựng Mở rộng Trường mầm non Ngũ Lão”.
- Tên chủ dự án: Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên.
- Đại diện chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thủy Nguyên
- + Địa chỉ liên hệ: thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- + Người đại diện: Ông Phạm Văn Hào; Chức vụ: Giám đốc
- + Điện thoại: 0225.3874148
- Tiến độ thực hiện Dự án: năm 2023 đến 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến tổng mức đầu tư: 38.700.000.000 đồng

1.2. Vị trí địa lý của dự án

Dự án được triển khai tại khu đất thuộc địa bàn xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có các mặt tiếp giáp:

- + Phía Bắc: Giáp đường bê tông và di tích Chùa Đông Linh;
- + Phía Nam: Giáp Bãi đất trống;
- + Phía Tây: Giáp đường bê tông khu dân cư;
- + Phía Đông: Giáp khu dân cư.

Vị trí thực hiện dự án thể hiện trên hình sau:



Hình 1. Vị trí Dự án

1.2.3. Mục tiêu; loại hình, quy mô và quy trình hoạt động của dự án

1.2.3.1. Mục tiêu

- Mục tiêu dài hạn:

Cụ thể hóa Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác dạy và học; đáp ứng yêu cầu số lượng học sinh, số lớp tăng trưởng trong các năm tiếp theo trên toàn thị trấn, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập tại xã Ngũ Lão. Đóng góp phần quan trọng nhất để xây dựng trường đạt Chuẩn Quốc gia, nhằm phát triển giáo dục vào đào tạo theo kế hoạch phát triển chung của Hải Phòng.

- Mục tiêu ngắn hạn:

Xây dựng mở rộng trường Mầm non hiện đại, kiên cố, đảm bảo phù hợp với nhu cầu của học sinh và giáo viên với đầy đủ các công năng và các công trình phụ trợ phục vụ cho khoảng 600 em học sinh và khoảng 45 giáo viên, giáo vụ viên.

Hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của Thủy Nguyên nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung, xây dựng mở rộng trường Mầm non Ngũ Lão thành trường đạt chuẩn 2 theo tiêu chuẩn trường chuẩn Quốc gia.

1.2.3.2. Loại hình, quy mô và quy trình hoạt động của dự án

a) *Loại hình dự án:* công trình dân dụng, nhóm C theo Luật đầu tư công

b) *Diện tích và quy mô dự án:*

- Quy mô diện tích quy hoạch khoảng 6.422,7 m².

Bảng 1. Tổng hợp quy mô sử dụng đất của Dự án

STT	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Đất xây dựng công trình	2.113,63	32,9
1	Nhà lớp học 2 tầng 9 phòng	725,98	11,3
2	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng	335,92	5,2
3	Nhà hiệu bộ 3 tầng, bếp	403,60	6,3
4	Nhà để xe	133,64	2,1
5	Nhà bảo vệ số 1	17,81	0,3
6	Nhà bảo vệ số 2	4,41	0,1
7	Hành lang cầu	29,2	0,5
8	Nhà lớp học 3 tầng có sẵn	463,05	7,2

STT	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
B	Đất giao thông	2.203,8	34,3
1	Sân đường	1.850,2	28,8
2	Bãi đỗ xe + giao thông chung	353,6	5,5
C	Đất cây xanh	2.008,58	31,3
1	Cây xanh	2.008,58	31,3
D	Đất kỹ thuật	96,7	1,5
1	Khu xử lý nước thải	87,7	1,4
2	Trạm biến áp	9,00	0,1
Tổng		6.422,7	100,0

c) Quy trình hoạt động của dự án

- Giai đoạn thi công xây dựng: san lấp mặt bằng, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, nước thải, hệ thống chiếu sáng, thông tin liên lạc, trạm XLNT.

- Giai đoạn hoạt động: hoạt động sinh hoạt của học sinh, giáo viên (phương tiện giao thông đi lại, nấu nướng, sinh hoạt hàng ngày, giải trí, chăm sóc cây xanh, cây quan).

1.2.4. Nguyên nhiên vật liệu

a) Nguyên, nhiên vật liệu

Nhu cầu nhiên, nguyên vật liệu dự kiến sử dụng trong giai đoạn vận hành dự án được ước tính như sau:

Bảng 2. Nhu cầu nguyên nhiên vật liệu giai đoạn hoạt động

Stt	Tên nguyên liệu	Định mức/100 trẻ/1 ngày (kg)	Khối lượng sử dụng/600 trẻ/ngày (kg)	Nhu cầu nguyên liệu cho 1 năm (260 ngày) (kg)
1	Gạo	15	90	23400
2	Rau xanh các loại	26,5	159	41340
3	Thịt lợn	13,5	81	21060
4	Thịt bò	6	36	9360
5	Thịt gà	6	36	9360
6	Trứng	7	42	10920
7	Đậu	4	24	6240
8	Cua	2	12	3120
9	Cá	3	18	4680

Stt	Tên nguyên liệu	Định mức/100 trẻ/1 ngày (kg)	Khối lượng sử dụng/600 trẻ/ngày (kg)	Nhu cầu nguyên liệu cho 1 năm (260 ngày) (kg)
10	Tôm	7	42	10920
11	Dầu ăn	0,17	1,02	265,2
12	Đường	1	6	1560
13	Hạt nêm	0,17	1,02	265,2
	Tổng			142490,4

b) Nhu cầu sử dụng nước

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Dự án:

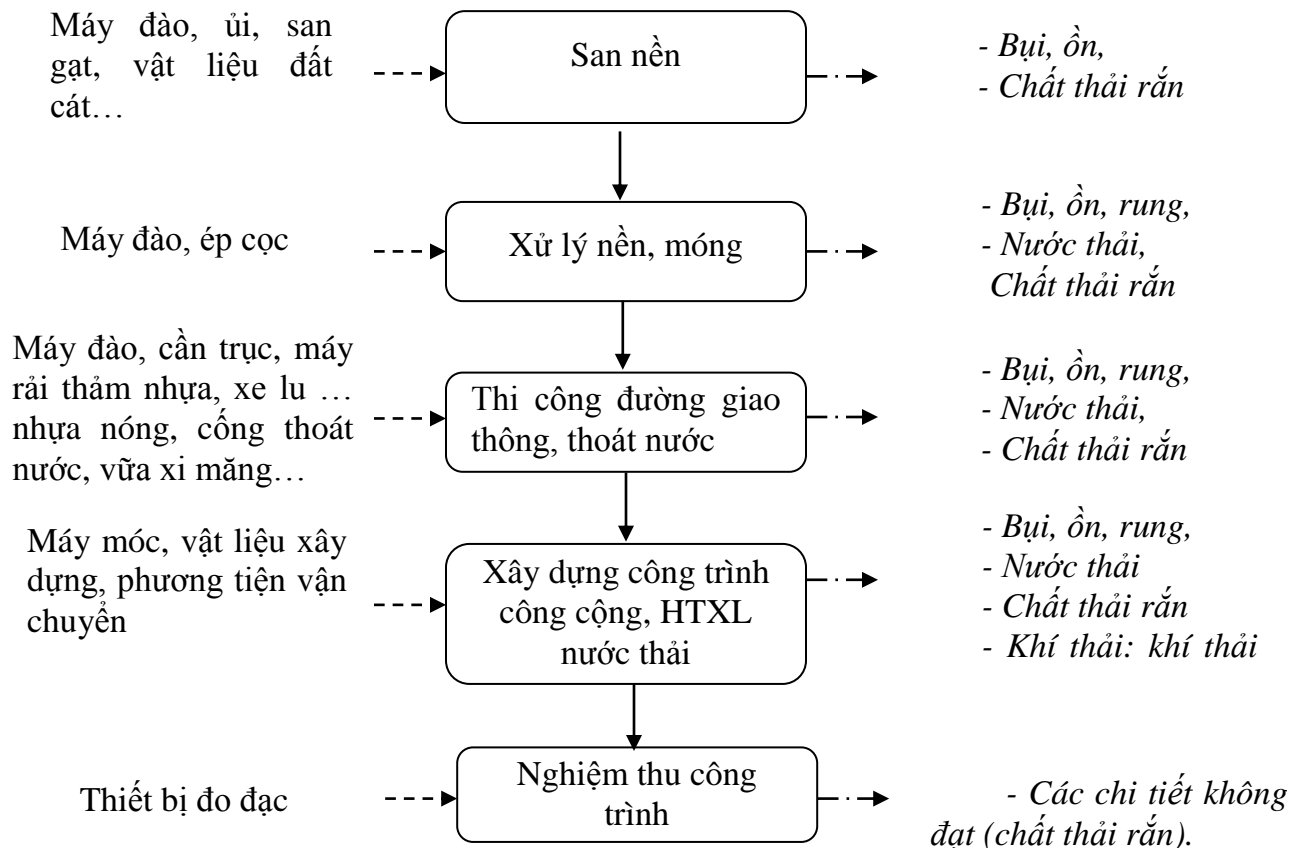
Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước giai đoạn vận hành

Stt	Chức năng	Tầng cao tối đa	Diện tích (m ²)	Tiêu chuẩn (l/m ² /ngđ)	Nhu cầu (m ³ /ngđ)
A	Đất xây dựng công trình				
1	Nhà lớp học		600 (cháu)	75 (l/cháu/ngđ)	45,00
3	Nhà hiệu bộ 3 tầng, bếp	3,0	403,60	3(l/m ² sàn/ngđ)	3,63
4	Nhà để xe	1,0	130,00	1,5	0,20
5	Nhà bảo vệ số 1	1,0	17,81	3 (l/m ² sàn/ngđ)	0,05
6	Nhà bảo vệ số 2	1,0	4,41	3 (l/m ² sàn/ngđ)	0,01
7	Hành lang cầu	2,0	29,20	0,5	0,03
8	Nhà lớp học 3 tầng có sẵn		463,05		
B	Đất giao thông		2.276,20		
1	Sân đường		1.922,60	0,5	0,93
3	Bãi đỗ xe + giao thông chung		353,60	1,5	0,53
C	Đất cây xanh		1.927,82		0,00
1	Cây xanh		1.927,82	3	6,03
D	Đất kỹ thuật		108,70		
1	Khu xử lý nước thải	1,0	87,70	2	0,18
2	Trạm biến áp		9,00		
3	Trạm bơm		12,00		

Stt	Chức năng	Tầng cao tối đa	Diện tích (m ²)	Tiêu chuẩn (l/m ² /ngđ)	Nhu cầu (m ³ /ngđ)
	Tổng				52,09
	Dự phòng rò rỉ, thất thoát			15	7,81
	Nhu cầu dùng nước trung bình				59,90
	Nhu cầu dùng nước lớn nhất			1,4	83,86
	Nhu cầu dùng nước chữa cháy		1 đám cháy	15 (l/s/đám cháy)	162,00

Nguồn: Thuyết minh quy hoạch 1/500 của dự án

4. Biện pháp thi công



Hình 2. Quy trình thi công xây dựng

2. Đánh giá tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu

2.1. Đánh giá tác động

- Giai đoạn xây dựng:

Tác động	Giai đoạn	
	Giai đoạn triển khai xây dựng	Giai đoạn vận hành
Nguồn tác động liên quan đến chất thải	<i>1. Đối với môi trường không khí:</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động của hoạt động đào đắp, thi công nền móng. - Tác động của hoạt động vận chuyển vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị. - Tác động của hoạt động hàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động khí thải từ hoạt động đun nấu. - Tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông. - Tác động do mùi hôi từ các khu vực tập kết CTR, HTXL nước thải
	<i>2. Đối với môi trường nước:</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động do nước thải sinh hoạt. - Tác động do nước thải xây dựng. - Nước mưa chảy tràn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động do nước thải sinh hoạt, nước thải từ các công trình dịch vụ, hạ tầng (HTXL nước thải) - Tác động nước mưa chảy tràn.
	<i>3. Đối với chất thải rắn:</i>	
<ul style="list-style-type: none"> - Tác động do CTR sinh hoạt; - Tác động do CTR xây dựng; - Tác động do chất thải nguy hại 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động do CTR sinh hoạt. - Tác động do CTR thông thường khác 	
Nguồn tác động không liên quan đến chất thải	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động của việc chiếm dụng đất, giải phóng mặt bằng. - Tác động do tiếng ồn, độ rung. - Tác động đến kinh tế xã hội - Tác động đến các công trình xung quanh khu vực dự án - Tác động hoạt động giao thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động do tiếng ồn trường mầm non - Tác động đến công trình lân cận. - Tác động đến trật tự an ninh xã hội, an toàn giao thông tại khu vực và đời sống văn hóa.
Tác động các rủi ro, sự cố	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cố ngập úng. - Sự lún công trình. - Sự cố cháy nổ. - Sự cố về điện, sét đánh. - Sự cố tai nạn lao động. - Sự cố tai nạn giao thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cố do cháy nổ. - Sự cố trong quá trình vận hành HTXLNT. - Sự cố sụt lún công trình, ngập úng. - Sự cố liên quan đến an toàn giao thông. - Sự cố công trình cơ sở hạ tầng

Các tác động của Dự án:

STT	Nguồn gây tác động	Tác động phát sinh	Yếu tố môi trường bị ảnh hưởng	Phạm vi chịu ảnh hưởng
1	Hoạt động sinh hoạt của học sinh, giáo viên	- Chất thải rắn sinh hoạt - Chất thải nguy hại - Nước thải sinh hoạt - Khí thải từ quá trình đun nấu	- Môi trường đất, nước, không khí	Trên mặt bằng dự án
2	Hoạt động của các phương tiện giao thông	Tiếng ồn, khí thải CO, CO ₂ , SO ₂ , NO _x	Môi trường không khí	Phạm vi dự án và đường liên xã
3	Hoạt động của các công trình dịch vụ	- Nước thải - CTR từ việc chăm sóc cây xanh	Môi trường đất, nước	Trên mặt bằng dự án
4	Hoạt động từ các công trình BVMT	- Mùi hôi từ khu tập kết rác, HTXL nước thải tập trung - Bùn thải từ bể tự hoại, HTXL nước thải tập trung	Môi trường đất, nước	Trên mặt bằng dự án

2.2. Biện pháp giảm thiểu

2.4.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

a) Thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: tại khu vực thi công bố trí 02 nhà vệ sinh di động dạng module nguyên khối bằng vật liệu composite, dung tích bể chứa nước thải: 2m³/nhà vệ sinh. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sẽ được nhà thầu thi công thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: Chủ thầu sẽ bố trí khu vực rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công riêng biệt để thuận tiện cho việc thu gom xử lý nước thải xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường: Thi công hệ thống rãnh thoát nước mưa trong giai đoạn thi công theo quy hoạch đường cống thoát nước mưa chung của dự án trong giai đoạn vận hành, cuối đường rãnh thoát nước mưa sẽ bố trí hố thu lắng cặn, đất cát trước khi thoát nước mưa ra ngoài công trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận thu gom, xử lý; nước thải thi công xây dựng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B), tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn hoạt động

- *Nước mưa chảy tràn*

Hệ thống thoát nước mưa của dự án được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải;

Nạo vét định kỳ mương thoát nước trong khu vực dự án, khơi thông cống rãnh.

- *Nước thải sinh hoạt*

Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải tại dự án được xử lý cục bộ từ trong các hầm tự hoại trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ được thu gom về HTXL nước thải tập trung để xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B (tương ứng với nước thải xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt), K=1,2 (diện tích dưới 10.000m²), trước khi xả thải ra môi trường.

Quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung: nước thải → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → Bể trung gian → Bể lọc áp lực → thiết bị khử trùng.

Công suất: 70 m³/ngày đêm.

2.4.2. Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải

a) Thu gom và xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn xây dựng

- Dựng tường tạm che chắn bằng tôn có chiều cao tối thiểu là 2 - 3m để bao che kín khu vực phá dỡ và xây dựng dự án, đồng thời có bố trí cổng ra vào, bảo vệ công trường thi công.

- Tập kết vật liệu đúng nơi quy định, trong những ngày hanh khô, có gió áp dụng biện pháp phun nước, làm ẩm, giảm thiểu bụi do quá trình bốc dỡ cát, đá phát sinh.

- Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công còn hạn kiểm định.

- Không chở vật liệu vượt quá trọng tải của phương tiện.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị, thay thế hoặc bảo dưỡng thiết bị theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải bởi Dự án; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

b) Thu gom và xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn hoạt động

- Tiến hành phun nước trên đường vào mùa nắng để giảm bụi phát tán.

- Duy trì diện tích cây xanh tại khu vực dự án để cải thiện môi trường không khí.
- Biện pháp giảm thiểu mùi hôi và khí thải từ quá trình lưu chứa chất thải sinh hoạt: thu gom chất thải thường xuyên, phun hóa chất khử mùi.

2.4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn xây dựng

- Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại và lưu chứa bằng 03 thùng chứa, dung tích 200L, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời. Sau đó ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn hoạt động

Toàn bộ rác sinh hoạt sẽ được thu gom và tiến hành phân loại tại nguồn; rác thải thu gom theo từng khu vực và chứa trong các thùng chứa chuyên dụng dung tích 60 – 660 lít. Hàng ngày, rác sinh hoạt được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải được chuyển giao trực tiếp cho đơn vị có đủ chức năng.

Đối với các chất thải rắn thông thường khác sẽ được tập kết về khu vực **rộng 15m²** đặt gần HTXL nước thải để lưu giữ trước khi chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng.

3.2. Giám sát môi trường

Trong quá trình hoạt động dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, lưu lượng nước thải sinh hoạt tối đa là 83,86 m³/ngày. Dự án không thuộc danh mục phải quan trắc định kỳ quy định tại Phụ lục XXVIII Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Do đó căn cứ theo Khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII, Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và không phải quan trắc nước thải định kỳ.

Nội dung này báo cáo chỉ đề xuất chương trình quan trắc môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm cụ thể như sau:

Chương trình giám sát môi trường: quan trắc môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm cụ thể như sau:

- Thời gian quan trắc: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.
- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí mẫu đầu vào tại bể thu gom và 01 vị trí tại bể chứa nước thải sau xử lý của hệ thống.
- Thông số: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng Coliforms
- Số lượng mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào; 03 mẫu nước thải đầu ra.
- Loại mẫu: mẫu đơn

5.5.3. Giai đoạn vận hành chính thức

Trong giai đoạn vận hành chính thức, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ, quan trắc tự động liên tục theo quy định.